

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61/2024/HS-ST**

Ngày: 27/9/2024

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm – Nguyên là Phó Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Bù Gia Mập;

2. Ông Nguyễn Văn Cường – Phó trưởng ban pháp chế Hội đồng nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/HSST-QĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Trung C**; sinh năm: 1991 tại tỉnh An Giang; Tên gọi khác: không; Nơi thường trú và chỗ ở: thôn Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: làm nông; con ông Nguyễn Trung C1 và bà Phùng Thị T; có vợ là bà Huỳnh Ngọc Anh K đã ly hôn; Bị cáo có 02 người con sinh các năm 2013 và 2014. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người bị hại:

Chị Phùng Thị Thúy A, sinh ngày 28/10/2007; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Người đại diện hợp pháp của chị A: Ông Phùng Hải Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn H, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước (Có mặt)

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn D, xã Đ, huyện B (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 25/3/2024, Nguyễn Trung C đi bộ từ xã B về xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. Trên đường đi, C gặp Phùng Thị Thùy A1 điều khiển xe mô tô biển số 69F7 – 4011 cũng đi từ xã B về xã Đ, huyện B nên C xin đi nhờ xe của A1 thì A1 đồng ý cho C đi nhờ xe. Trên đường đi thì C nảy sinh ý định cướp xe mô tô của A1 để làm phương tiện đi lại, Khi A1 chở C đến khu vực thôn D, xã Đ thì C lấy dao thái lan giấu sẵn trong người rồi dùng tay trái nắm vạt áo trước bụng của A1, tay phải dùng dao dí sát lưng không chừa yêu cầu A1 dừng xe để cướp chiếc xe mô tô biển số 69F7 – 4011 của A1 thì A1 dừng xe giằng co không cho C lấy xe và tri hô thì ông Nguyễn Văn H nhà ở gần nơi xảy ra vụ việc đi đến chỗ C đang thực hiện hành vi Cướp tài sản của A1, thấy vậy C bỏ chạy và vứt 01 con dao thái lan và 01 áo khoác màu đen ở bên đường rồi trốn ở trong cống nước gần nơi xảy ra vụ việc. Trong lúc giằng co với A1 thì C làm rơi 01 túi xách màu đen, bên trong túi xách có 40.000 đồng, 01 bản sao Căn cước công dân, 01 bản sao Trích lục giấy khai sinh, 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an tỉnh B (về vi phạm nồng độ cồn khi điều khiển xe mô tô), 01 đơn có mặt, 01 bản sao giấy Đăng ký xe mô tô biển số 93Y-032.62, 01 Chứng chỉ nghề do Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh B cấp, các giấy tờ trên đều mang tên Nguyễn Trung C. Sau khi C bỏ chạy thì A1 đến trình báo sự việc và giao nộp cho Công an xã Đ 01 xe mô tô biển số 69F7 – 4011; 01 túi xách cùng các giấy tờ trên. Nhân được tin báo, Công an xã Đ và Cơ quan CSĐT Công an huyện B đến hiện trường để xác minh vụ việc thì phát hiện C đang trốn trong cống nước nên đã mời C về trụ sở Công an xã Đ để lấy lời khai, C đã thừa nhận về hành vi của mình (bút lục số 42 – 53; 59 – 72).

Qua công tác khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại hiện trường 01 con dao thái lan dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng, trắng dài 11,1 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng; 01 áo khoác màu đen có ký hiệu chữ “GFFHOME” màu trắng, kích thước (52 x 94) cm (bút lục số 29 – 36).

Theo bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B xác định tại thời điểm ngày 25/3/2024 giá trị của 01 chiếc xe mô tô biển số 69F7 - 4011 là 3.500.000 đồng (bút lục số 39 – 41).

Vật chứng thu giữ:

01 xe mô tô biển số 69F7 - 4011 của Phùng Thị Thúy A;

01 con dao thái lan dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng, trắng dài 11,1 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng;

01 túi xách màu đen, bên trong túi xách có 40.000 đồng; 01 bản sao Căn cước công dân; 01 bản sao Trích lục giấy khai sinh; 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an tỉnh B (về vi phạm nồng độ cồn khi điều khiển xe mô tô); 01 đơn có mất, 01 bản sao giấy Đăng ký xe mô tô biển số 93Y-032.62, 01 Chứng chỉ nghề do Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh B cấp, các giấy tờ trên đều mang tên Nguyễn Trung C; 01 áo khoác màu đen có ký hiệu chữ “GFFHOME” màu trắng, kích thước (52 x 94) cm của Nguyễn Trung C

Tại Bản cáo trạng số 51/CT-VKSDBGM ngày 13 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Nguyễn Trung C về tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Trung C và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 168, Điều 38, Điều 50, 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Trung C mức án tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù.

- Về xử lý vật chứng và các vấn đề khác: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng có ý kiến như sau:

Người bị hại khai: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/03/2024, tôi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 69F7-4011 đi từ nhà tại thôn H, xã B đến phòng trọ tại xã Đ. Khi đi qua Nông trường 1 thuộc xã B thì tôi có gặp một người đàn ông (là bị cáo) đang đi bộ ra hướng xã Đ, người này kêu tôi lại và nhờ đi quá giang, nên tôi đã cho người đàn ông này ngồi lên sau xe tôi chở. Trên đường đi, người đàn ông nhờ tôi chở ra P nhưng tôi kêu trễ giờ học nên không chở được. Khi đi đến vườn điều gần nhà nghỉ H1 thuộc xã Đ, người đàn ông đó dùng tay trái sờ lên túi quần trước của tôi, tay phải dùng dao (loại con dao Thái Lan) dí vào người lưng tôi rồi nói “Dao đây, mày quay xe không tao đâm mày chết”. Khi người đàn ông đó nói như vậy thì tôi dừng xe lại và nghiêng xe

cho xe ngã về phía bên trái rồi tay phải tôi vẫn cầm ở tay ga xe mô tô rồi la lớn lên “A”, thì lúc này có một người đàn ông ở gần đó đi ra. Còn bị cáo khi thấy người dân đi ra thì bị cáo bỏ chạy vô hướng vườn điều ở bên cạnh, còn tôi thì cầm túi vải đeo chéo của bị cáo bỏ lại lên Công an xã Đ trình báo sự việc. Tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại ông Phùng Hải Q khai: Tôi là bố của Phùng Thị Thúy A, chúng tôi thường xuyên đi làm ở xa nhà nên có giao chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha, màu xanh, biển kiểm soát 69F7-4011 cho A để đi học. Ngày 25/03/2024 tôi đi làm, cháu A có đi học từ nhà ở xã B ra xã Đ đã bị một người đàn ông uy hiếp cướp xe mô tô. Chiếc xe mô tô này là do tôi mua vào năm 2004 và nhờ người quen là Nguyễn Duy Đ đứng tên đăng ký giùm. Tại phiên tòa, tôi không yêu cầu bị cáo bồi thường gì cả.

Bị cáo Nguyễn Trung C thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên tham gia quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ và tội danh đối với hành vi của bị cáo: Xét thấy các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, như lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng; phù hợp với thời gian, địa điểm thực hiện hành vi phạm tội, cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 25/3/2024, trên đoạn đường từ xã B về xã Đ huyện B, tỉnh Bình Phước, Nguyễn Trung C sau khi đã xin được đi nhờ xe mô tô biển số 69F7 - 4011 của Phùng Thị Thúy A thì đã nảy sinh ý định cướp chiếc xe mô tô nên đã C đã sử dụng 01 con dao thái lan dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng, trắng dài 11,1 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng giấu sẵn trong người

rồi dùng tay trái nắm vạt áo trước bụng của A, tay phải dùng dao díp sát lưng không chế yêu cầu A dừng xe để cướp chiếc xe mô tô thì A dừng xe giằng co không cho C lấy xe và tri hô thì ông Nguyễn Văn H nhà ở gần nơi xảy ra vụ việc đi đến chỗ C đang thực hiện hành vi Cướp tài sản của A thì C bỏ chạy. A đã đến Công an xã Đ trình báo sự việc. Nhận được tin báo, Công an xã Đ và Cơ quan CSĐT Công an huyện B đến hiện trường để xác minh vụ việc thì phát hiện C đang trốn trong cống nước nên đã mời C về trụ sở Công an xã Đ để lấy lời khai, C đã thừa nhận về hành vi của mình. Theo kết quả định giá tài sản tại thời điểm ngày 25/3/2024, giá trị của 01 chiếc xe mô tô biển số 69F7 - 4011 là 3.500.000 đồng.

Đối chiếu hành vi nêu trên của bị cáo với những quy định của pháp luật hiện hành thì hành vi của bị cáo Nguyễn Trung C đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung “Sử dụng vũ khí...” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như Cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi “xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác” bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng do mong muốn đạt được mục đích nhanh chóng chiếm đoạt tài sản của người khác mà bị cáo đã sử dụng hung khí để thực hiện hành vi buộc bị hại phải giao tài sản cho bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, sử dụng hung khí nguy hiểm để uy hiếp, đe dọa tính mạng người khác nhằm chiếm đoạt tài sản của nạn nhân để tiêu xài. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để răn đe, giáo dục bị cáo và nhằm mục đích phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Xét về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập đề nghị về tội danh và hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phần bồi thường thiệt hại.

[8]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô biển số 69F7 - 4011 của Phùng Thị Thúy A, sau khi định giá tài sản, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho A nên không đề cập xử lý.

- Đối với 01 con dao thái lan dài 21,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng, trắng dài 11,1 cm, cán dao bằng nhựa màu vàng: đây là con dao Nguyễn Trung C sử dụng vào việc thực hiện hành vi phạm tội, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 túi xách màu đen, bên trong túi xách có 40.000 đồng, 01 bản sao Căn cước công dân, 01 bản sao Trích lục giấy khai sinh, 01 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính của Công an tỉnh B (về vi phạm nồng độ cồn khi điều khiển xe mô tô), 01 đơn có mất, 01 bản sao giấy Đăng ký xe mô tô biển số 93Y-032.62, 01 Chứng chỉ nghề do Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh B cấp, các giấy tờ trên đều mang tên Nguyễn Trung C; 01 áo khoác màu đen có ký hiệu chữ “GFFHOME” màu trắng, kích thước (52 x 94) cm của Nguyễn Trung C, không liên quan đến vụ án nên cần trả lại cho C.

[9] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung C phạm tội “Cướp tài sản”.

2. Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 168; điểm b, h khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trung C 07 (Bảy) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 25/3/2024.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Trung C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/9/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẮM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết